

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	3.530.000	1.539.240
I	Thu nội địa	1.710.000	1.539.240
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	95.000	95.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.000	9.000
	- Thuế tài nguyên	9.000	9.000
	- Thuế giá trị gia tăng	77.000	77.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thu khác		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	75.000	75.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.000	17.000
	- Thuế tài nguyên	20.000	20.000
	- Thuế giá trị gia tăng	38.000	38.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thu khác		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.100	1.100
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	600	600
	- Thuế tài nguyên		
	- Thuế về khí thiên nhiên		
	- Thuế giá trị gia tăng	500	500
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế môn bài		
	- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		
	- Thu khác		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	686.000	686.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	123.000	123.000
	- Thuế tài nguyên	254.960	254.960
	- Thuế giá trị gia tăng	305.790	305.790
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.250	2.250
	- Thuế môn bài		
	- Thu khác		
5	Thuế thu nhập cá nhân	75.000	75.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	91.000	54.600
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	54.600	54.600
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	36.400	
7	Lệ phí trước bạ	121.000	121.000
8	Thu phí, lệ phí	125.000	117.000
	- Phí và lệ phí trung ương	8.000	
	- Phí và lệ phí địa phương	117.000	117.000
	- Phí và lệ phí huyện		
	- Phí và lệ phí xã, phường		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.200	2.200
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	37.000	31.450
12	Thu tiền sử dụng đất	227.000	192.950

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	500	500
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	21.000	21.000
	- Thuế giá trị gia tăng	9.090	9.090
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	200	200
	- Thu từ thu nhập sau thuế	510	510
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	11.200	11.200
	- Thuế môn bài		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	28.000	16.240
16	Thu khác ngân sách	120.000	45.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200	200
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	5.000	5.000
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.820.000	
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	640.640	
2	Thuế xuất khẩu	244.588	
3	Thuế nhập khẩu	931.233	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	1.719	
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		
6	Thu khác	1.820	
IV	Thu viện trợ		